

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ
Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thủ tục thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các ngân hàng thương mại.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, được quản lý bởi một chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh quản lý. Phòng giao dịch không được thực hiện:

a) Quyết định cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được đảm bảo toàn bộ bằng tiền, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước;

b) Cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế.

4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, bao gồm:

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng thương mại;

b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại;

c) Văn phòng liên lạc; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường;

d) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;

đ) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch là những đơn vị đã được thành lập theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

7. Ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài là một loại hình công ty con do ngân hàng thương mại Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân, được thành lập tại nước ngoài theo quy định luật pháp nước ngoài.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

9. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi

nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

10. Khu vực nội thành thành phố Hà Nội bao gồm các quận của thành phố Hà Nội.

11. Khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hà Nội không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hà Nội nêu tại khoản 10 của Điều này.

12. Khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các quận của thành phố Hồ Chí Minh.

13. Khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh nêu tại khoản 12 của Điều này.

14. Thủ tục chấp thuận thành lập phòng giao dịch, chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại bao gồm thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch, chi nhánh theo quy định tại Chương 2 và thủ tục chấp thuận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch, chi nhánh theo quy định tại Chương 3 Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

1. Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài.

2. Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại:

a) Thay đổi tên, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trên địa bàn;

b) Chấm dứt hoạt động phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);

c) Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trên địa bàn;

d) Đủ điều kiện khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trên địa bàn.

3. Trong một số trường hợp cụ thể, nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, ngoại giao và điều hành chính sách tiền tệ

trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại trên cơ sở đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Ngân hàng thương mại lập hồ sơ bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản của ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại ủy quyền ký. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác phải bằng văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ của ngân hàng thương mại được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh bằng hình thức: gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Chương II

CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH Ở TRONG NƯỚC; CHẤP THUẬN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG 100% VỐN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 6. Điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại

Để được thành lập chi nhánh ở trong nước, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135

Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;

d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;

e) Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

g) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

h) Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

i) Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Hoạt động kinh doanh có lãi đến thời điểm đề nghị;

c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ;

e) Các quy định tại các điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều này.

Điều 7. Số lượng chi nhánh được thành lập

1. Số lượng chi nhánh của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:

$$300 \text{ tỷ đồng} \times N1 + 50 \text{ tỷ đồng} \times N2 < C$$